

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/HS-ST
Ngày 22-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Nghĩa.

Ông Đàm Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn D**, tên gọi khác: không, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1989 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 01/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn R, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1962; vợ: Khèn Thị V, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/12/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Đức D1**, tên gọi khác: không, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1997 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Ó, sinh năm 1965 và bà Hà Thị R1, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/12/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Khèn Thị V, sinh năm 1991; trú tại: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khèn Thị V: Ông Nông Văn D2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 08/12/2022, tổ công tác Công an huyện H làm nhiệm vụ tại xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện 02 xe mô tô di chuyển từ xã T đến xã A, huyện H có biểu hiện nghi vấn về hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, tổ công tác tiến hành truy đuổi và giữ được Nông Văn D (sinh 1989 trú tại xóm T, xã T, huyện H) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11U1 - 183.72 chở Nông Đức D1 (sinh năm 1997 ở cùng xóm với D), còn 01 chiếc mô tô chạy thoát, tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc đưa người cùng phương tiện về trụ sở làm rõ. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/12/2022 Công an xã A, huyện H tiếp nhận hai công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến trình diện (gồm Li Shu B, sinh năm 1986; Huang Tai W, sinh năm 2001 cùng trú tại tỉnh Giang Tây, Trung Quốc).

Mở rộng điều tra xác định được như sau: Khoảng 12 giờ ngày 07/12/2022 Nông Văn D được một người Trung Quốc tên là S (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) liên lạc qua Wechat thuê D đến mốc 924 (mốc 29 cũ) thuộc địa phận xóm N, xã T, huyện H đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến đường quốc lộ thuộc xã A, huyện H giao cho một người lái xe ô tô với tiền công là 3.000 CNY/01 người, D đồng ý; sau đó D và Nông Văn D3 cũng tham gia và hứa sẽ chia đều tiền công, D3 nhận lời. Khoảng 19 giờ cùng ngày, D cũng D3 đi bộ đến mốc 924 nhận 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép với 02 người đàn ông không quen biết đưa đến hang L, cho 02 người Trung Quốc ẩn nấp trong hang rồi D cùng D3 đi về. Đến khoảng 16 giờ ngày 08/12/2022, S yêu cầu D đưa 02 người Trung Quốc xuống đường liên xóm và S sẽ thu thêm một người khác cùng D chở 02 người Trung Quốc đến đường quốc lộ tại xã A, huyện H để giao người; tiếp đó D bảo D3 đến hang L dẫn người xuống đường liên xóm. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi D3 dẫn 02 người Trung Quốc xuống đến đường liên xóm thì D cho 01 người đi trước, người đàn ông do S thuê chở 01 người đi sau đến đường quốc lộ thuộc xã A, huyện H; khi chở 02 người Trung Quốc đến đường quốc lộ do xe ô tô chưa đến đón được nên D cùng người do S thuê cho 02 người Trung Quốc xuống xe, ẩn nấp ở ven đường chờ. Sau đó, D điều khiển xe quay lại chở D3 đến khu vực người Trung Quốc đang ẩn nấp để canh giới. Đến khoảng 20

giờ 30 phút cùng ngày, khi D cùng D3 đang di chuyển đến khu vực người Trung Quốc ẩn nấp thì bị lực lượng chức năng phát hiện lập biên bản vụ việc, còn 02 người Trung Quốc bỏ chạy lên đồi, đến ngày 12/12/2022 02 người Trung Quốc đến trụ sở Công an xã A trình diện.

Tại phiên toà, bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 23-3-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 26/CT-VKSCB-P1 truy tố Nông Văn D, Nông Đức D1 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nông Văn D, Nông Đức D1 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 xử phạt các bị cáo: Nông Văn D từ 15 – 18 tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 xử phạt các bị cáo: Nông Đức D1 từ 12 - 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại, ½ giá trị xe máy YAMAHA JUPITER F1 kèm theo 01 đăng ký xe. Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khèn Thị V: ½ giá trị xe máy YAMAHA JUPITER F1.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nông Văn D2 trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với cáo trạng mà Viện kiểm sát đã công bố. Tuy nhiên các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, thuộc hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Các bị cáo thành khẩn khai báo và gia đình các bị cáo có ông nội là liệt sĩ, đề nghị xem xét cho bị cáo D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: xử phạt bị cáo D mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị và hưởng án treo; xử phạt bị cáo D1 mức thấp hơn của khung hình phạt và hưởng án treo. Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại ít nhất 1/2 giá trị chiếc xe cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khèn Thị V.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo vì cả hai bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Các bị cáo nhất trí, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 hoàn toàn phù hợp với cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 07/12/2022 Nông Văn D được một người Trung Quốc tên là S thuê tổ chức cho 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với tiền công là 3.000 CNY/01 người. D đã rủ Nông Đức D1 cùng tham gia. Khoảng 19 giờ ngày 07/12/2022 D cùng D1 đến mốc 924 thuộc địa phận xóm N, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng đưa 02 người Trung Quốc đến hang L ẩn nấp. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/12/2022 D cùng D1 tiếp tục dẫn 02 người Trung Quốc đến xã A, huyện H để giao người và nhận tiền công. Khi D cùng D1 đang chờ xe ô tô đến đón thì bị phát hiện, còn 02 người Trung Quốc bỏ chạy. Ngày 12/12/2022, 02 người Trung Quốc đến Công an xã A, huyện H, tỉnh Cao Bằng trình diện.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam của cá bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, tiềm ẩn nguy cơ làm phát sinh các tội phạm do người nhập cảnh trái phép thực hiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa sâu vào nội địa Việt Nam để nhận tiền công mà không thực hiện các thủ tục giấy tờ xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Hành vi tổ chức cho 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép của các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo

Nông Văn D, Nông Đức D1 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 có ông nội Nông Văn Q là liệt sĩ trong quá trình kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 chưa được hưởng lợi từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với những chiếc điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc thực hiện tội phạm thì tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

Những đồ vật, tài sản khác không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho gia đình bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người Trung Quốc tên là S thuê D tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và người đàn ông Sam thuê chở người nhập cảnh. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để mở rộng điều tra làm rõ.

Đối với 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Ngày 16/12/2022 Phòng Q1 Công an tỉnh C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền và trục xuất về nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Nông Văn D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 12/12/2022 .

- Bị cáo Nông Đức D1 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 12/12/2022 .

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại tạm giữ của Nông Đức D1”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại tạm giữ của Nông Văn D”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

- ½ giá trị xe máy nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1 màu đen. Xe gắn biển kiểm soát: 11U1 – 183.72. Tình trạng xe đã cũ. Số khung: RLCUE1340MY106149. Số máy: E3S1E143811. Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát của thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 22/12/2022. Kèm theo 01 (một) đăng ký xe máy biển kiểm soát 11U1 – 183.72 mang tên Nông Văn D.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khèn Thị V, sinh năm 1991 (trú tại: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng): ½ giá trị xe máy nhãn hiệu YAMAHA JUPITER F1 màu đen. Xe gắn biển kiểm soát: 11U1 – 183.72. Tình trạng xe đã cũ. Số khung: RLCUE1340MY106149. Số máy: E3S1E143811. Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát của thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 22/12/2022.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 88 ngày 05 tháng 4 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án; Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vướng mắc trong công tác xét xử (Tại mục 6 phần II).

Các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nông Văn D, Nông Đức D1 có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- PC10;
- Trại giam CA tỉnh;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngôn Ngọc Viên

